

Số: 304/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 1978

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC ĐIỀU CHỈNH GIÁ THU MUA LÚA VÀ HOA MÀU

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Hành chính các cấp ngày 27-10-1962;
- Thi hành Nghị quyết số 10/CP ngày 8-1-1978 của Hội đồng Chính phủ về công tác giá cả trong tình hình mới;
- Căn cứ vào công văn số 124/VGNN-NS ngày 28-2-1978 của Ủy ban Vật giá Nhà nước thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho Long An được điều chỉnh lên giá mua lúa ở vùng giáp ranh Long An – Thành phố Hồ Chí Minh bằng giá mua 0đ,32/ki-lô-gam ở thành phố và đề nghị thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh lên giá ở vùng giáp ranh, trước đặt 0đ304/ki-lô-gam lên 0đ32/ki-lô-gam;
- Căn cứ vào thông tư số 119/VGNN-NS ngày 24-2-1978 của Ủy ban Vật giá thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. – Giá thu mua lúa tại thành phố được chia thành hai khu vực với mức giá cụ thể như sau:

Khu vực	Đơn vị tính	Lúa sạ nổi	Lúa thường	LÚA ĐẶC SẢN		NÉP		Ghi chú
				Loại 1	Loại 2	dẻo thơm	thường	
1	kg/đNH	0đ276	0đ344	0đ43	0đ38	0đ43	0đ38	
2	—	0đ256	0đ32	0đ43	0đ35	0đ40	0đ35	

Lúa phải phơi khô, quạt sạch (không chia loại A và loại B).

Khu vực 1 gồm các xã Tân Phú Trung, Tân Thạnh Đông, Thái Mỹ, Tam Tân (Huyện Củ Chi); Thạnh Mỹ Lợi, Bình Trưng, Phú Hữu, An Khánh, Long Trường, Thạnh Mỹ, Hiệp Bình (Huyện Thủ Đức), Xuân Thới Thượng (Hóc Môn).

Khu vực 2 gồm các xã, huyện còn lại không thuộc khu vực 1.

Điều 2. – Việc xếp loại thóc thực hiện như nội dung hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Bộ Lương thực thực phẩm đính kèm.

Điều 3. – Giá mới điều chỉnh, quy định ở điều 1, được áp dụng từ khi bắt đầu vụ mùa 1977. Ngành lương thực chịu trách nhiệm truy trả kịp thời cho người bán lúa đối với số lúa bán cho Nhà nước từ đầu vụ.

Đối với các xã Quý Đức, Tân Quy Tây, Bình Chánh, Tân Nhựt (Bình Chánh), Hiệp Phước, Nhơn Đức, Phước Lợi (Nhà Bè) trước đây đặt giá mua theo khu vực 1 cũ là 0đ304/ki-lô-gam nay điều chỉnh là 0đ32/ki-lô-gam lúa thường, người đã bán lúa được tính lại theo giá mới và nhận thêm số tiền chênh lệch giá. Các loại lúa khác cũng được tính lại theo giá mới.

Điều 4. – Đối với số thuế nông nghiệp đã tính theo giá cũ và thu bằng tiền, không đặt vấn đề tính lại để người đã nộp thuế phải truy nộp thêm theo giá lúa mới điều chỉnh lần này. Giá mua lúa mới sẽ thi hành đối với số thuế nông nghiệp nộp kể từ ngày ký quyết định này trở về sau.

Điều 5. – Giá mua các loại màu thống nhất cho toàn thành phố được quy định như sau và có giá trị thi hành từ ngày ký quyết định này.

– Một ki-lô-gam ngô tẻ	0đ36
– Một ki-lô-gam cao lương	0đ36
– Một ki-lô-gam khoai lang tươi	0đ10
– Một ki-lô-gam khoai lang khô	0đ384
– Một ki-lô-gam khoai mì tươi	0đ104
– Một ki-lô-gam khoai mì lát khô bóc vỏ dày	0đ416

Quy cách phẩm chất được quy định như sau:

- Đối với cao lương: phơi khô, quạt sạch.
- Đối với khoai lang tươi, khoai mì tươi: sạch gốc rễ, không sùng hà, không thối.
- Đối với khoai lang khô, khoai mì lát khô: sạch vỏ dày, không lẫn cát đất và các tạp chất khác.

Điều 6. – Giao cho đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá thành phố kiểm tra việc phổ biến và niêm yết giá mua được điều chỉnh, đồng thời tổ chức kiểm tra việc chấp hành giá chỉ đạo.

Điều 7. – Các đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá, Giám đốc Sở Lương thực, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các quận, huyện và Ủy ban Nhân dân các phường, xã nơi có thu mua chịu trách nhiệm thi hành nghiêm túc và kịp thời quyết định này.

Quyết định này thay cho quyết định số 132/QĐ-UB ngày 31-1-1978 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Vũ Đình Liệu